

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 687/KH-UBND

Quảng Trị, ngày 26 tháng 02 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trên cả 3 trụ cột là chính quyền số, kinh tế số, xã hội số

Thực hiện Chương trình hành động số 06 - CTr/TU ngày 10/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trên cả 3 trụ cột là chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, TẦM NHÌN

1. Mục tiêu đến năm 2030

- Giá trị Chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) đạt $\geq 0,75$.
- Về chính quyền số: Đảm bảo 100% thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh được thực hiện trực tuyến. Phấn đấu 85% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến.
- Về kinh tế số: Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP phấn đấu đạt 15 - 20%. Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử. Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trên 35%.
- Về xã hội số: Mạng 5G phủ sóng 95% dân số trên địa bàn tỉnh; 97% người dân sử dụng có khả năng truy cập băng thông rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s. 85% người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID).
- Về phát triển nguồn lực khoa học và công nghệ: Bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hàng năm cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và tăng dần theo yêu cầu phát triển.

2. Tầm nhìn đến năm 2045

- Giá trị Chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) đạt $\geq 0,95$.
- Về chính quyền số: 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện; 100% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.

- Về kinh tế số: Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP toàn tỉnh đạt 40%.

- Về xã hội số: Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 100%. Tỉnh trở thành địa phương có khả năng thu hút nhiều chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu thế giới.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã, tổ chức, đơn vị liên quan tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ các nhóm nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Về chính quyền số

- Hoàn thiện hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu dùng chung của tỉnh, kết nối liên thông với Trung ương, tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Triển khai toàn diện dịch vụ công trực tuyến toàn trình tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia và ứng dụng công dân số.

- Xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu số chuyên ngành (đất đai, dân cư, doanh nghiệp, y tế, giáo dục...) phục vụ quản lý, điều hành.

- Ứng dụng công nghệ mới phân tích dự báo trong công tác quản trị, cảnh báo thiên tai, biến đổi khí hậu; triển khai mạnh mẽ các ứng dụng công nghệ số như quản lý giao thông, năng lượng và bảo vệ môi trường.

2. Về kinh tế số

- Hỗ trợ doanh nghiệp địa phương chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh. Đẩy mạnh tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số; phát triển thương mại điện tử và thanh toán số; kết nối đưa sản phẩm OCOP, nông sản lên các sàn thương mại điện tử.

- Phát triển kinh tế số trong các ngành: Nông nghiệp công nghệ cao; công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng; du lịch thông minh; logistics.

- Khuyến khích khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hình thành trung tâm/không gian đổi mới sáng tạo, vườn ươm doanh nghiệp công nghệ.

3. Về xã hội số

- Phổ cập kỹ năng số cho người dân, đặc biệt vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc thiểu số. Mở rộng hạ tầng viễn thông, 5G, internet tốc độ cao phủ khắp nông thôn, miền núi, hải đảo.

- Triển khai giáo dục số, học tập trực tuyến, trường học thông minh.

- Phát triển y tế số và an sinh xã hội.

- Phát triển văn hóa số bảo đảm giữ gìn bản sắc dân tộc, xây dựng xã hội số an toàn và lành mạnh, khuyến khích sáng tạo nội dung số, bảo tồn văn hóa truyền thống bằng công nghệ số.

- An toàn thông tin, an ninh mạng.

4. Tăng cường các giải pháp về nguồn lực và nhân lực chất lượng cao

Đảm bảo ngân sách chi hàng năm cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Thu hút nguồn lực bên ngoài gắn với phát huy nội lực. Huy động các nguồn lực xã hội hóa. Cho phép thí điểm thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm có sử dụng ngân sách nhà nước để đầu tư vào các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Xây dựng cơ chế linh hoạt, công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng kinh phí; tăng cường kiểm tra, giám sát để không xảy ra lãng phí, tiêu cực.

Quan tâm đào tạo, sử dụng, thu hút nhân lực khoa học, kỹ thuật, công nghệ và chuyên gia số. Nghiên cứu ban hành cơ chế, chính sách thu hút, tuyển chọn, sử dụng đãi ngộ cán bộ có năng lực nổi trội, chuyên gia, sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc vào làm việc trong hệ thống chính trị. Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng số (quản trị dữ liệu, sử dụng nền tảng số,...) cho cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị, nhất là đội ngũ cấp ủy viên, bí thư cấp ủy các cấp. Liên kết với doanh nghiệp công nghệ, tổ chức quốc tế để xây dựng chương trình đào tạo nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số theo yêu cầu thực tế và đặt hàng của doanh nghiệp.

(Chi tiết các nhiệm vụ, phân công đơn vị và thời gian hoàn thành được quy định tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này).

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, lồng ghép trong các chương trình, đề án, dự án có liên quan và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Khuyến khích tăng cường xã hội hóa, thúc đẩy hợp tác công tư (PPP) trong đầu tư xây dựng hạ tầng, nền tảng và ứng dụng số.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu:

Căn cứ Kế hoạch này và chức năng, nhiệm vụ được giao, khẩn trương xây dựng kế hoạch hành động chi tiết của cơ quan, đơn vị mình, hoàn thành **trong quý I năm 2026**.

Chịu trách nhiệm toàn diện trước Chủ tịch UBND tỉnh về tiến độ, chất lượng và hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Chủ động phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan để giải quyết các nhiệm vụ mang tính liên ngành.

2. Sở Khoa học và Công nghệ:

Là cơ quan thường trực, đầu mối giúp UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch này.

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất các giải pháp kỹ thuật, công nghệ để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

3. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí kinh phí trong khả năng ngân sách của tỉnh để triển khai hiệu quả các nhiệm vụ của Kế hoạch.

4. Công an tỉnh: Chủ trì, phối hợp đảm bảo an ninh, an toàn các hệ thống thông tin, CSDL; thúc đẩy khai thác hiệu quả CSDL quốc gia về dân cư phục vụ chuyển đổi số của tỉnh.

Yêu cầu Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (B/c);
- Thường trực HĐND tỉnh(B/c);
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- Chánh VP, Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX. *ML*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Vinh



PHỤ LỤC
DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI
(Kèm theo Kế hoạch số **687** /KH-UBND ngày 26 /02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành
I	VỀ CHÍNH QUYỀN SỐ				
1	Hoàn thiện hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu dùng chung của tỉnh, kết nối liên thông với Trung ương, tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số				
1.1	Phát triển hạ tầng số đảm bảo kết nối, liên thông, chia sẻ hạ tầng số giữa các cơ quan, đơn vị	Sở Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị liên quan	Ưu tiên phát triển hạ tầng số cho các khu vực trọng điểm (khu công nghiệp, khu công nghệ cao, đô thị thông minh...) có tính kết nối, liên thông; thúc đẩy kết nối, chia sẻ hạ tầng số giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn; lồng ghép các nội dung phát triển hạ tầng số vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nâng cấp đường truyền cho cơ quan đảng, nhà nước, trường học, bệnh viện. Xây dựng (hoặc thuê dịch vụ, thu hút đầu tư) trung tâm dữ liệu và hệ thống tính toán hiệu năng cao (nếu có quy mô đủ lớn); xây dựng quy	2026-2030

				chế về chia sẻ hạ tầng số.	
1.2	Xây dựng các trung tâm đổi mới sáng tạo, vườn ươm khởi nghiệp và khu công nghệ cao.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị liên quan	Hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo, vườn ươm khởi nghiệp và khu công nghệ cao.	2026-2030
1.3	Công bố, tạo lập cơ sở dữ liệu và cung cấp dữ liệu	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành cấp tỉnh	Công bố danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; xây dựng, rà soát hoàn thiện cơ sở dữ liệu trong danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung đã ban hành. Cung cấp 100% dữ liệu mở theo kế hoạch đã ban hành.	9/2026 và những năm tiếp theo
1.4	Tiếp tục đầu tư, nâng cấp và hoàn thiện các nền tảng dữ liệu	Sở Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị liên quan	Tiếp tục đầu tư, nâng cấp và hoàn thiện kho cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, nền tảng tổng hợp và phân tích dữ liệu tỉnh, cổng dữ liệu mở tỉnh...	9/2026 và những năm tiếp theo
1.5	Nâng cấp Trung tâm giám sát, điều hành thông minh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã	Nâng cấp Trung tâm giám sát điều hành thông minh ở cấp tỉnh, kết nối đến cấp xã.	6/2026
2	Triển khai toàn diện dịch vụ công trực tuyến toàn trình tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia và ứng dụng công dân số	Các sở, ban ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Thực hiện nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp	2026-2030
3	Xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu số chuyên ngành phục vụ quản lý, điều hành				

3.1	Xây dựng, vận hành các cơ sở dữ liệu chuyên ngành	Các sở, ban ngành cấp tỉnh	Các đơn vị liên quan	Xây dựng, số hóa, cập nhật, kết nối, chia sẻ, sử dụng và khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu chuyên ngành như khoa học và công nghệ, thương mại và dịch vụ, năng lượng, giao thông vận tải, xây dựng, tài chính, tư pháp, dân tộc và tôn giáo...	6/2026 và những năm tiếp theo
3.2	Rà soát nâng cấp, hoàn thiện và vận hành các cơ sở dữ liệu chuyên ngành	Các sở, ban ngành cấp tỉnh	Các đơn vị liên quan	Tiếp tục rà soát nâng cấp, hoàn thiện và vận hành các cơ sở dữ liệu chuyên ngành như đất đai, y tế, giáo dục, nông nghiệp và môi trường...	2026-2030
3.3	Xây dựng và số hóa các hệ thống cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các đơn vị liên quan	Tập trung xây dựng và số hóa các hệ thống cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và môi trường như Hệ thống truy xuất nguồn gốc (QR Code) cho các sản phẩm nông sản, cây trồng, vật nuôi, thủy sản; Hệ thống giám sát, quản lý tàu cá và nghề cá, đảm bảo tuân thủ quy định chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định (IUU); Xây dựng cơ sở dữ liệu rừng và đất lâm nghiệp để phục vụ định giá rừng, phát triển tín chỉ carbon rừng.	6/2026 và những năm tiếp theo
3.4	Xây dựng cơ sở dữ liệu về	Sở Ngoại vụ	Các đơn vị liên	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quan hệ	2026-

	quan hệ đối ngoại		quan	đối ngoại gồm dữ liệu về các đối tác quốc tế, các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, các hiệp định, thỏa thuận quốc tế; dữ liệu về kiều bào, đoàn ra, đoàn vào, lãnh sự, biên giới,... nhằm phục vụ công tác quản lý, điều hành và hỗ trợ xúc tiến đối ngoại, đầu tư.	2030
3.5	Rà soát, cập nhật cơ sở dữ liệu dân cư	Công an tỉnh	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên rà soát, cập nhật cơ sở dữ liệu dân cư đảm bảo "đúng, đủ, sạch, sống".	2026-2030
3.6	Kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu dùng chung	Các sở, ban ngành cấp tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Thực hiện tích hợp các cơ sở dữ liệu chuyên ngành vào kho cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, công dữ liệu mở của tỉnh và kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia.	2026-2030
4	Ứng dụng công nghệ mới trong công tác quản lý	Các sở, ban ngành cấp tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Các đơn vị liên quan	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), phân tích dự báo trong công tác quản trị, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, hỗ trợ phân tích, cảnh báo về nguy cơ quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội và trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính; triển khai mạnh	2026-2030

					mẽ các ứng dụng công nghệ số như quản lý giao thông, năng lượng và bảo vệ môi trường nhằm nâng cao chất lượng sống người dân.	
II VỀ KINH TẾ SỐ						
1 Hỗ trợ doanh nghiệp địa phương chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh						
1.1	Phối hợp triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ số	Các sở, ban ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã	Các đơn vị liên quan	Triển khai cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ số, tổ chức, cá nhân có năng lực, thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số tại tỉnh; phối hợp triển khai Đề án của Chính phủ hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp công nghệ số vươn ra toàn cầu.	2026-2030	
1.2	Xây dựng, triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp địa phương chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh	Các sở, ban ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã	Các đơn vị liên quan	Xây dựng, triển khai chương trình, kế hoạch thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số. Xây dựng, triển khai chương trình, kế hoạch đẩy mạnh sản xuất thông minh, chuyển đổi số trong các lĩnh vực trọng điểm như nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, xây dựng, logistics, du lịch,...	2026-2030	

				theo hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.	
1.3	Tăng cường tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu nhằm nâng cao kiến thức pháp luật, kỹ năng về thương mại điện tử	Sở Công thương	Các đơn vị liên quan	Tăng cường tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu nhằm nâng cao kiến thức pháp luật, kỹ năng về thương mại điện tử, thương mại điện tử xuyên biên giới cho đội ngũ cán bộ quản lý, hiệp hội ngành hàng và cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã tại địa phương...; hướng dẫn doanh nghiệp ứng dụng hiệu quả các giải pháp công nghệ số trong thương mại điện tử, phân tích dữ liệu lớn (Big Data), ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và các công nghệ hỗ trợ chuyển đổi số; qua đó từng bước nâng cao năng lực cho doanh nghiệp xuất khẩu có khả năng tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu và thích ứng linh hoạt với những mô hình kinh doanh mới trên thị trường quốc tế.	2026-2030
2	Phát triển thương mại điện tử và thanh toán số				
2.1	Đẩy mạnh tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số	Sở Công thương	Các đơn vị liên quan	Đẩy mạnh tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số; thúc đẩy	2026-2030

2.2	Triển khai kết nối phát triển thương mại điện tử	Sở Công thương	Các đơn vị liên quan	<p>thương mại điện tử và thanh toán số; kết nối đưa sản phẩm OCOP, nông sản lên các sàn thương mại điện tử.</p> <p>Chủ trì, phối hợp với các sàn thương mại điện tử, các nền tảng kinh doanh trực tuyến lớn trong nước và quốc tế triển khai các chương trình kết nối thương mại điện tử, liên kết vùng trong thương mại điện tử, thương mại điện tử xuyên biên giới nhằm thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa trên môi trường trực tuyến, chú trọng hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, làng nghề, cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh tiếp cận và mở rộng kênh bán hàng trực tuyến. Phát động các chương trình thúc đẩy tiêu dùng hàng Việt và sản phẩm địa phương thông qua các nền tảng thương mại điện tử, mạng xã hội và các mô hình kinh doanh thương mại điện tử khác nhau, từ đó thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp, nâng cao giá trị thương hiệu, hình ảnh địa phương cũng như mở rộng thị trường tiêu thụ</p>	2026-2030
-----	--	----------------	----------------------	--	-----------

				tại nội địa và hướng tới xuất khẩu.
3	Phát triển kinh tế số trong các ngành, lĩnh vực			
3.1	Phát triển kinh tế số trong nông nghiệp công nghệ cao	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các đơn vị liên quan	<p>Phấn đấu đến hết năm 2030, tỷ trọng kinh tế số chiếm tối thiểu 20% trong GDP nông nghiệp, góp phần hoàn thành các mục tiêu chiến lược cũng như mở rộng các mô hình về sản xuất, kết nối nông nghiệp thông minh và tiếp tục hình thành phát triển các hệ sinh thái nông nghiệp số. Phấn đấu đến hết năm 2030, 80% các hộ sản xuất nông nghiệp có tài khoản trên sàn thương mại điện tử, 70% chủ thể OCOP tham gia các kênh thương mại điện tử và 100% dữ liệu thông tin của các hộ sản xuất nông nghiệp được số hóa.</p> <p>Xây dựng và triển khai Đề án/Nhiệm vụ trọng điểm về "Hỗ trợ Chuyển đổi số và Phát triển Nông nghiệp công nghệ cao, Nông nghiệp tuần hoàn". Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ chi phí ban đầu cho việc số hóa thông tin, xây dựng mã vùng trồng, truy xuất nguồn gốc và đưa sản phẩm OCOP, nông sản lên các</p>

				sản thương mại điện tử cho các hộ kinh doanh, hợp tác xã tại địa phương.	
3.2	Chuyển đổi số đối với lĩnh vực chế biến, chế tạo và công nghiệp	Các sở, ban ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã	Các đơn vị liên quan	Thúc đẩy mô hình sản xuất thông minh và bền vững của các doanh nghiệp chế biến, chế tạo và công nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm tăng cường vị thế và khả năng cạnh tranh trong chuỗi giá trị toàn cầu.	2026-2030
3.3	Ứng dụng công nghệ vào lĩnh vực du lịch, dịch vụ	Các sở, ban ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã	Các đơn vị liên quan	Tập trung ứng dụng công nghệ vào lĩnh vực du lịch để nâng cao trải nghiệm cho du khách, tối ưu hóa hoạt động kinh doanh và quản lý du lịch. Đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ mới vào chuỗi cung ứng để tự động hóa, tối ưu hóa vận hành, giảm chi phí và nâng cao hiệu quả dịch vụ logistics...	2026-2030
3.4	Khuyến khích khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị liên quan	Khuyến khích khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hình thành trung tâm/không gian đổi mới sáng tạo, vườn ươm doanh nghiệp công nghệ.	2026-2030
III	VỀ XÃ HỘI SỐ				
1	Phổ cập kỹ năng số cho người dân, đặc biệt vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc thiểu số				
1.1	Phổ cập kỹ năng số cho người	Sở Giáo dục và	Sở Khoa học	Trang bị kiến thức, kỹ năng số cho	2026-

	dân	Đào tạo; UBND cấp xã	và Công nghệ; các đơn vị liên quan	người dân để cùng tham gia vào quá trình chuyển đổi số, mở ra cơ hội tiếp cận các dịch vụ số một cách bình đẳng, giúp xây dựng một xã hội số bao trùm và toàn diện. Phấn đấu đến năm 2030, 80% cơ sở giáo dục các cấp từ tiểu học đến trung học phổ thông có tổ chức các hoạt động giáo dục STEM/STEAM và kỹ năng số.	2030
1.2	Thực hiện phong trào Bình dân học vụ số	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Giáo dục và Đào tạo; Công an tỉnh; UBND cấp xã	Các đơn vị liên quan	Tiếp tục đẩy mạnh phong trào "Bình dân học vụ số" nhằm phổ cập tri thức và kỹ năng số, xây dựng nền tảng vững chắc cho một xã hội số, kinh tế số và công dân số.	2026-2030
2	Phát triển hạ tầng số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị liên quan	Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo phủ sóng toàn tỉnh. Phấn đấu đến năm 2030, 97% người dân trên địa bàn tỉnh có khả năng truy cập quang với tốc độ	2026-2030

				1Gb/s trở lên; mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 95% dân số; xây dựng, bảo đảm năng lực, sẵn sàng triển khai thử nghiệm mạng di động 6G.	
3	Phát triển giáo dục số	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các đơn vị liên quan	Thực hiện chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.	2026-2030
4	Phát triển y tế số	Sở Y tế	Các đơn vị liên quan	Thực hiện đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số toàn diện trong chăm sóc sức khỏe theo Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 9/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.	2026-2030
5	Phát triển văn hóa số	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các đơn vị liên quan	- Phát triển văn hóa số bảo đảm giữ gìn bản sắc dân tộc, xây dựng xã hội số an toàn và lành mạnh, khuyến khích sáng tạo nội dung số, bảo tồn văn hóa truyền thống bằng công	2026-2030

6	Chuyển đổi số trong lĩnh vực	Sở Nội vụ	Các đơn vị liên	<p>nghệ số.</p> <p>- Xây dựng và phát triển các sản phẩm văn hóa số chất lượng cao; khuyến khích, thu hút đông đảo cộng đồng tham gia sáng tạo, sản xuất các sản phẩm văn hóa số tích cực, lành mạnh và hướng thiện trên môi trường số. Thúc đẩy xây dựng các cơ sở dữ liệu về văn hóa, các di sản văn hóa số. Huy động, khuyến khích và xây dựng cơ chế đãi ngộ động viên đội ngũ tri thức, thanh niên là lực lượng tiên phong xây dựng văn hóa số, giữ gìn bản sắc dân tộc, thuần phong mỹ tục của người Việt Nam, người Quảng Trị trên môi trường số.</p> <p>- Triển khai các biện pháp quyết liệt, xử lý kịp thời các hiện tượng văn hóa số không lành mạnh, ảnh hưởng tới giá trị chung của xã hội, giảm thiểu các tác động tiêu cực mà công nghệ số mang lại tới môi trường, xã hội và người dân, đặc biệt là trẻ em, thanh thiếu niên và các đối tượng dễ bị tổn thương trên không gian mạng.</p>	2026-
			Ứng dụng số trong an sinh xã hội,		

	an sinh xã hội		quan	quản lý trợ cấp, bảo hiểm, hỗ trợ người yếu thế.	2030
7	An toàn thông tin, an ninh mạng	Công an tỉnh	Các đơn vị liên quan	<p>- Tham mưu đề xuất Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành và triển khai văn bản chỉ đạo kiểm tra, dán tem an toàn thông tin các thiết bị điện tử, viễn thông tin sử dụng để soạn thảo, lưu trữ thông tin bí mật Nhà nước trước khi đưa vào sử dụng trong hệ thống chính trị của tỉnh.</p> <p>- Tăng cường việc giám sát, cảnh báo sớm, ứng cứu sự cố an ninh mạng. Chủ động đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm, nhất là tội phạm mạng, tội phạm sử dụng công nghệ cao.</p> <p>- Tham mưu xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch tổng thể đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng trên địa bàn tỉnh theo từng giai đoạn đảm bảo phù hợp với đặc điểm, tình hình từng thời điểm. Tham mưu tổ chức diễn tập, diễn tập thực chiến, ứng cứu sự cố an toàn hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh Quảng Trị hàng năm. Tham mưu xây dựng, đưa</p>	2026-2030

				<p>vào vận hành trung tâm an ninh mạng cấp tỉnh.</p> <p>- Tăng cường tổ chức kiểm tra đảm bảo an ninh, an toàn thông tin đối với các cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, các hệ thống thông tin tại các sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh.</p>	
IV	TĂNG CƯỜNG CÁC GIẢI PHÁP VỀ NGUỒN LỰC VÀ NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO				
1	Đảm bảo ngân sách chi hàng năm cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Sở Tài chính	Các đơn vị liên quan	<p>Thu hút nguồn lực bên ngoài gắn với phát huy nội lực. Huy động các nguồn lực xã hội hóa. Cho phép thí điểm thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm có sử dụng ngân sách nhà nước để đầu tư vào các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Xây dựng cơ chế linh hoạt, công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng kinh phí; tăng cường kiểm tra, giám sát để không xảy ra lãng phí, tiêu cực.</p>	2026-2030
2	Đào tạo, sử dụng, thu hút nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi	Sở Nội vụ	Các đơn vị liên quan	<p>Nghiên cứu ban hành cơ chế, chính sách thu hút, tuyển chọn, sử dụng đãi ngộ cán bộ có năng lực nổi trội, chuyên gia, sinh viên tốt nghiệp loại</p>	2026-2030

	số		<p>giới, xuất sắc vào làm việc trong hệ thống chính trị. Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng số (quản trị dữ liệu, sử dụng nền tảng số,...) cho cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị, nhất là đội ngũ cấp ủy viên, bí thư cấp ủy các cấp. Liên kết với doanh nghiệp công nghệ, tổ chức quốc tế để xây dựng chương trình đào tạo nguồn nhân lực phục vụ chuyên đổi số theo yêu cầu thực tế và đặt hàng của doanh nghiệp.</p>	
--	----	--	---	--